

Số: 137/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2010

THÔNG TƯ

**Quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá
và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ ban hành về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thực hiện các nội dung sau đây của Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về việc bán đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP):

1. Xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước để thực hiện bán đấu giá;
2. Chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện và Hội đồng bán đấu giá tài sản trong trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Hội đồng bán đấu giá tài sản).

Trường hợp Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thực hiện bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì coi như Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng bán đấu giá tài sản. Việc bố trí nguồn kinh phí, quản lý, sử dụng kinh phí trong trường hợp này áp dụng như đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản nhà nước.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng hoặc chủ trì xử lý tài sản nhà nước (gọi chung là đơn vị có tài sản bán đấu giá).
3. Hội đồng định giá tài sản; tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản được thuê để xác định giá khởi điểm.
4. Hội đồng bán đấu giá tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.
5. Các đối tượng khác có liên quan đến việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và thực hiện chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Chương II XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA TÀI SẢN NHÀ NƯỚC BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 3. Tài sản nhà nước được xác định giá khởi điểm để thực hiện bán đấu giá

Tài sản nhà nước được xác định giá khởi điểm để thực hiện bán đấu giá quy định tại Thông tư này gồm:

1. Tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,

tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

2. Nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường, di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị (sau đây gọi tắt là nhà, đất thuộc đối tượng sắp xếp lại);

3. Tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc;

4. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước;

5. Tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự; tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy; tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không nhận lại, tài sản không có người nhận thừa kế, tài sản do các tổ chức cá nhân trong, ngoài nước chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam được xác lập quyền sở hữu của nhà nước (sau đây gọi chung là tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước).

Điều 4. Nguyên tắc xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá được xác định theo nguyên tắc phải phù hợp với giá bán thực tế của tài sản cùng loại hoặc tương tự ở thị trường địa phương tại thời điểm xác định giá; cụ thể một số trường hợp như sau:

1. Đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng đất, giá khởi điểm được xác định sát với giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển nhượng theo mục đích sử dụng mới của khu đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện đi lại, máy móc, trang thiết bị làm việc, giá khởi điểm của tài sản phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại;

3. Đối với những tài sản do Nhà nước quy định giá, giá khởi điểm không được thấp hơn giá do Nhà nước quy định tại thời điểm xác định giá khởi điểm;

4. Đối với tài sản chuyên dùng đơn chiếc, giá khởi điểm được xác định căn cứ vào chi phí tái tạo lại tài sản hoặc chi phí nhập khẩu và mức độ hao mòn (hữu hình và vô hình) của tài sản.

Điều 5. Phương pháp xác định giá khởi điểm

1. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, việc xác định giá khởi điểm được thực hiện theo quy định của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất (so sánh trực tiếp, thu nhập, chiết trừ và phương pháp thặng dư).

2. Đối với tài sản nhà nước chuyên dùng đơn chiếc, việc xác định giá khởi điểm được sử dụng phương pháp chi phí theo quy định tại Quy chế tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

3. Đối với các tài sản nhà nước khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này), việc xác định giá khởi điểm được sử dụng phương pháp so sánh theo quy định tại Quy chế tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

4. Trường hợp sử dụng các phương pháp khác, ngoài các phương pháp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này để xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước thì phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về phương pháp thẩm định giá trong Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định giá khởi điểm

1. Đối với tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp lại quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, giá khởi điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) quyết định theo các quy định hiện hành.

2. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Việt Nam, giá khởi điểm do người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm quyết định.

3. Đối với các tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thẩm quyền quyết định giá khởi điểm được quy định như sau:

a) Đối với tài sản nhà nước do Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính tổ chức bán đấu giá và tài sản nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bán đấu giá thì giá khởi điểm do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định hoặc uỷ quyền cho Cục trưởng Cục Quản lý giá thuộc Bộ Tài chính quyết định;

b) Đối với tài sản nhà nước do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi chung là Bộ

trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quyết định bán đấu giá thì giá khởi điểm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc uỷ quyền cho Thủ trưởng cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan trung ương quyết định;

c) Đối với tài sản nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch quyết định bán đấu giá thì giá khởi điểm do Thủ trưởng cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp (Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch) quyết định;

d) Đối với tài sản nhà nước do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán đấu giá theo phân cấp của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quy định của pháp luật thì giá khởi điểm do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó quyết định.

4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thành lập Hội đồng định giá tài sản hoặc giao cho đơn vị có tài sản bán đấu giá thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá trước khi quyết định.

5. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì giá khởi điểm để bán đấu giá do Thủ trưởng cơ quan ra quyết định tịch thu theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính quyết định như sau:

a) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi chuyển giao để bán đấu giá đã được xác định giá trị thì giá khởi điểm là giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chuyển giao;

b) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi chuyển giao để bán đấu giá chưa được xác định giá trị thì giá khởi điểm do Hội đồng định giá quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này xác định.

Điều 7. Thành phần của Hội đồng định giá tài sản

1. Hội đồng định giá đối với các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này và các tài sản nhà nước khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, về Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

2. Hội đồng định giá đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện

Nghị định của Chính phủ về việc xử lý tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Việt Nam.

3. Hội đồng định giá đối với các tài sản quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này được quy định như sau:

a) Hội đồng định giá tài sản của Bộ Tài chính:

Hội đồng định giá tài sản do Lãnh đạo Bộ Tài chính hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm:

- Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá thuộc Bộ Tài chính;
- Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý tài sản nhà nước thuộc Bộ Tài chính;
- Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá.

b) Hội đồng định giá tài sản của Bộ, cơ quan trung ương:

Hội đồng định giá tài sản do Lãnh đạo Bộ, cơ quan trung ương có tài sản bán đấu giá hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm:

- Thủ trưởng đơn vị có tài sản bán đấu giá;
- Đại diện đơn vị chuyên môn về tài chính thuộc Bộ, cơ quan trung ương và bộ phận tài chính, kế toán của đơn vị có tài sản bán đấu giá;
- Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá.

c) Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh, cấp huyện:

Hội đồng định giá tài sản do Lãnh đạo cơ quan tài chính nhà nước (Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch) làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm:

- Đại diện đơn vị có tài sản bán đấu giá;
- Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá của cơ quan tài chính nhà nước;
- Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá.

d) Hội đồng định giá tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Hội đồng định giá tài sản do Lãnh đạo đơn vị có tài sản bán đấu giá hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm:

- Đại diện bộ phận tài chính, kế toán của đơn vị có tài sản bán đấu giá;
- Đại diện đơn vị chuyên môn về tài chính của cơ quan cấp trên;
- Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá.

4. Hội đồng định giá đối với các tài sản quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này được quy định như sau:

Hội đồng định giá tài sản do người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm:

- Đại diện bộ phận chuyên môn của cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước;
- Đại diện Sở Tài chính (đối với tài sản do người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu ở trung ương và cấp tỉnh); Phòng Tài chính Kế hoạch (đối với tài sản do người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu ở cấp huyện, cấp xã);
- Các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần định giá.

5. Số lượng thành viên Hội đồng định giá tài sản quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này tối thiểu là ba (03) người.

Điều 8. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng định giá tài sản

1. Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản điều hành phiên họp định giá tài sản, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì uỷ quyền cho một (01) thành viên Hội đồng điều hành.

2. Hội đồng định giá tài sản thảo luận và biểu quyết về giá của tài sản. Quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng (hoặc người được uỷ quyền điều hành phiên họp định giá tài sản).

3. Hội đồng định giá phải lập biên bản về việc định giá tài sản. Biên bản định giá tài sản phải phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình định giá tài sản.

4. Nội dung chính của Biên bản định giá tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc định giá tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp định giá tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc định giá tài sản; chữ ký của các thành viên của Hội đồng.

Biên bản định giá tài sản được lưu trong hồ sơ định giá tài sản.

Điều 9. Chi phí hoạt động của Hội đồng định giá tài sản

1. Nội dung chi:

- a) Chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng định giá tài sản;
- b) Chi làm việc ngoài giờ có liên quan đến công việc của Hội đồng định giá tài sản;
- c) Chi cho công tác khảo sát giá;
- d) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu, chi phí lưu trữ và tổ chức thông tin về giá phục vụ công tác định giá tài sản;
- đ) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc định giá của Hội đồng.

2. Mức chi:

- a) Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành;
- b) Đối với khoản chi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo chế độ quy định về kinh phí chi các cuộc điều tra thuộc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước;
- c) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu, chi phí lưu trữ, tổ chức thông tin về giá và các khoản phục vụ cho bộ máy quản lý được tính theo nhu cầu thực tế của từng trường hợp cụ thể;

d) Đối với những khoản chi không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản quyết định chi nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán:

Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán chi phí của Hội đồng định giá tài sản được thực hiện theo quy định áp dụng đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản tại Điều 15 Thông tư này.

4. Nguồn kinh phí để chi cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng từ số tiền thu được do bán đấu giá tài sản.

Điều 10. Thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá khởi điểm của tài sản

1. Người có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm để bán đấu giá quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Thông tư này có thể giao cho đơn vị có tài sản bán đấu giá thuê các tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản xác định giá khởi điểm để xem xét, tham khảo trước khi quyết định.

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá là tổ chức có tên trong danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản do Bộ Tài chính thông báo hàng năm mà danh sách đó đang có giá trị tại thời điểm được thuê.

2. Việc lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để thuê xác định giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

3. Chi phí thuê các tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản để xác định giá khởi điểm (nếu có) được tính vào chi phí xác định giá khởi điểm tài sản để bán đấu giá và được chi trả từ số tiền thu được do bán đấu giá tài sản.

Điều 11. Xác định lại giá khởi điểm trong trường hợp bán đấu giá không thành

Trường hợp xác định nguyên nhân của việc bán đấu giá không thành là do giá khởi điểm cao thì đơn vị có tài sản bán đấu giá báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm quy định tại Điều 6 của Thông tư này xem xét, xác định lại giá khởi điểm để tổ chức đấu giá lại. Nguyên tắc, phương pháp và thủ tục xác định lại giá khởi điểm thực hiện như quy định đối với việc xác định giá khởi điểm lần đầu.

Sau hai lần giảm giá mà việc bán đấu giá vẫn không thành thì đơn vị có tài sản bán đấu giá báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản nhà nước để quyết định tiếp tục tổ chức bán đấu giá hoặc xử lý theo các hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chương III **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Điều 12. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng bán đấu giá tài sản

Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng từ số tiền thu được do bán đấu giá tài sản, gồm:

1. Phí đấu giá thu của người tham gia đấu giá;
2. Khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong trường hợp người tham gia đấu giá rút lại giá đã trả, từ chối mua tài sản sau khi được công bố là người trúng đấu giá hoặc vi phạm Quy chế bán đấu giá;
3. Trích từ tiền bán đấu giá tài sản trong trường hợp các nguồn quy định tại khoản 1 và 2 Điều này không đảm bảo đủ chi phí.

Điều 13. Nội dung chi của Hội đồng bán đấu giá tài sản

1. Chi phí vận chuyển, giao nhận, bảo quản tài sản từ khi có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền cho đến khi hoàn thành việc bán đấu giá, bàn giao tài sản cho người mua tài sản.
2. Chi phí thuê sửa chữa tài sản để bán nếu tài sản phải sửa chữa mới bán được (nếu có); chi khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan trong quá trình bán đấu giá (nếu có).
3. Chi phí thực tế liên quan đến việc tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản, gồm:
 - a) Chi niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản;
 - b) Chi cho việc trưng bày, xem tài sản bán đấu giá;
 - c) Chi thuê địa điểm tổ chức bán đấu giá tài sản trong trường hợp đơn vị có tài sản bán đấu giá không bố trí được địa điểm bán đấu giá;

d) Chi trả cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức này cử đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá (chỉ áp dụng đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện);

đ) Chi xây dựng hồ sơ bán đấu giá tài sản;

e) Chi in ấn, phô tô tài liệu và văn phòng phẩm liên quan tới việc bán đấu giá;

g) Chi phí tham dự phiên bán đấu giá, chi bồi dưỡng làm thêm giờ cho các thành viên Hội đồng bán đấu giá tài sản và bộ phận giúp việc (nếu có);

h) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản.

Điều 14. Mức chi

1. Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi trả cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức này cử đấu giá viên điều hành cuộc bán đấu giá theo chế độ chi từ ngân sách nhà nước áp dụng đối với người chủ trì cuộc họp soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; trường hợp đấu giá viên phải đi lại, lưu trú trong thời gian tham gia điều hành cuộc bán đấu giá thì được thanh toán chi phí đi lại, lưu trú theo chế độ công tác phí áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, xăng xe, hậu cần phục vụ và các khoản phục vụ cho bộ máy quản lý được tính theo nhu cầu thực tế của từng trường hợp cụ thể.

4. Đối với những khoản chi không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản quyết định chi nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 15. Lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Việc lập dự toán và sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản:

a) Hội đồng bán đấu giá tài sản căn cứ vào nội dung chi và mức chi quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư này và khối lượng công việc dự kiến phát sinh để lập dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản cho từng cuộc

bán đấu giá, trình cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản phê duyệt.

Trường hợp phải triển khai thực hiện ngay các công việc về bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá được phép tạm ứng trước kinh phí từ đơn vị có tài sản bán đấu giá tối đa không quá 5% trên giá trị (theo giá khởi điểm) của tài sản bán đấu giá để chi cho các công việc phải thực hiện. Sau khi việc bán tài sản hoàn thành, Hội đồng bán đấu giá tài sản có trách nhiệm hoàn trả khoản kinh phí đã ứng trước cho đơn vị có tài sản bán đấu giá. Riêng đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước và các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu của nhà nước, việc tạm ứng thực hiện theo Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính và Thông tư số 166/2009/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý một số loại tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Sau khi dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản được duyệt, Hội đồng bán đấu giá tài sản chuyển một (01) bản cho cơ quan, đơn vị có tài sản bán để phối hợp thực hiện.

c) Hội đồng bán đấu giá tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản theo đúng nội dung và mức chi trong dự toán được phê duyệt.

Trường hợp dự toán đã được phê duyệt nhưng không đủ để chi theo thực tế thì Hội đồng bán đấu giá tài sản lập dự toán kinh phí bổ sung, gửi cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản phê duyệt bổ sung dự toán; đồng thời, thông báo cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán để phối hợp thực hiện.

Việc sử dụng, hạch toán khoản kinh phí này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản có trách nhiệm báo cáo quyết toán toàn bộ khoản kinh phí tổ chức thực hiện bán đấu giá tài sản với cơ quan ra quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản để phê duyệt quyết toán theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Đơn vị có tài sản bán đấu giá có trách nhiệm quản lý hồ sơ quyết toán gồm: bản quyết toán đã được phê duyệt và chứng từ liên quan đến báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện bán đấu giá tài sản.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Cục Quản lý công sản thuộc Bộ Tài chính, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện Thông tư này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010.

2. Bãi bỏ Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá và Thông tư số 13/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 34/2005/TT-BTC.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TT điện tử Chính phủ; website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục QLCS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Chí

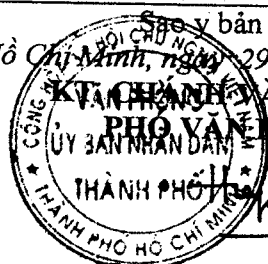
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TP

Số: 1487/SY

Nơi nhận:

- TT/TU, TT. HĐND TP, TT/UB
- VP/TU, Sở - ban - ngành, đoàn thể TP
- Tổng Công ty, Công ty mẹ con thuộc TP
- Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện
- VPUB: CPVP, Phòng TCTMDV (6), Các Phòng CV
- Lưu: VT, (TM/V) D. 140

Sao y bản chính
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2010



Huỳnh Khánh Hiệp

